

Bản án số: 05/2021/DS - ST

Ngày: 18/6/2021

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và bà Đỗ Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Vũ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2021/TLST - DS ngày 12/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; có mặt

Nơi cư trú: Xóm CA, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm CB, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Số nhà 454C, ấp ĐH 2, xã ĐLH, huyện ĐH, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020, bản tự khai ngày 23/11/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Từ tháng 9/2019 đến tháng 3/2020 chị có cho chị Trần Thị T vay tiền nhiều lần, cụ thể các lần như sau: Lần 1 vào ngày 28/9/2019 (al) chị T vay 160.000.000đ; lần 2 vào ngày 04/10/2019 (al)

vay 40.000.000đ; lần 3 vào ngày 09/3/2020 vay 939.000.000đ. Tổng cộng 03 lần vay là 1.139.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu đồng). Các lần vay tiền chị T đều viết giấy vay tiền và ký tên; lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng, nhưng không ghi vào giấy vay, hẹn sau 1 tháng kể từ lần vay cuối cùng (vào ngày 09/3/2020) thì trả cả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng. Đến hạn chị đã đòi nhiều lần nhưng chị T chỉ trả tiền lãi đến tháng 02/2020 (al) của các khoản vay năm 2019, chưa trả tiền gốc. Sau đó, Chị đã nhiều lần yêu cầu chị T trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi nhưng chị T đã trả được 17.000.000đ tiền lãi của khoản vay 939.000.000đ. Tại đơn khởi kiện, Chị yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị T phải trả cho chị số tiền vay gốc là 1.139.000.000đ và tiền lãi suất tính đến ngày 30/7/2020 là 56.950.000đ.

Ngày 25/5/2021 chị D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay chỉ yêu cầu chị T phải trả cho chị số tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 09/3/2020 là 939.000.000đ và tiền lãi suất tính từ ngày 09/3/2020 cho đến ngày xét xử vụ án là 18/6/2021 là 16 tháng x 1,0% x 939.000.000đ = 150.240.000đ - 17.000.000đ (đã trả). Tổng cộng là 1.072.240.000đ (Một tỷ không trăm bảy mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 07/5/2021 được lập tại số nhà 454C, ấp Đức Hạnh 2, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị D có quan hệ là hàng xóm với nhau. Chị có nhiều lần vay tiền của chị D nhưng không nhớ rõ ngày vay tiền, không nhớ rõ các giấy vay tiền vào ngày nào, chỉ nhớ là có vay tổng số tiền 939.000.000đ (Chín trăm ba mươi chín triệu đồng). Số tiền này chị có viết giấy, ký tên và xác nhận nợ. Quá trình vay chị vẫn trả lãi sau khi chốt nợ là 2 tháng vào tháng 2, tháng 3 âm lịch. Nay chị D yêu cầu chị trả số tiền gốc của 03 lần vay ngày 29/8/2019, 04/10/2019 và 09/3/2020 là 1.139.000.000đ (Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 30/7/2020 là 56.950.000đ thì chị T chỉ đồng ý trả tiền gốc 939.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi vì chị cho rằng chị đã trả lãi suất rất nhiều cho chị D với mức lãi suất 6%/tháng. Do hoàn cảnh khó khăn chị sẽ trả D, có bao nhiêu sẽ trả bấy nhiêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, buộc chị Trần Thị T phải trả tiền vay gốc 939.000.000đ và tiền lãi suất còn lại (119.506.000đ - 17.000.000đ = 102.506.000đ) cho chị Nguyễn Thị D; lãi suất tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày 18/6/2021, mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án Dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm CB, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn tại địa phương. Do bị đơn đi khỏi địa phương sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đến tạm trú tại số 454C, ấp ĐH 2, xã ĐLH, huyện ĐH, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thực hiện việc lấy lời khai và tổng đạt các văn bản, tài liệu kèm theo đơn kiện theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần 2 vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung:

Ngày 25/5/2021 và tại phiên tòa chị D rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị T phải trả số tiền gốc và tiền lãi của các giấy vay tiền ngày 28/9/2019 (al) và ngày 04/10/2019 (al) nên đình chỉ phần yêu cầu này.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và việc chị T cũng thừa nhận số tiền vay, giấy vay tiền ngày 09/3/2020 là do chị viết và ký tên nên có đủ cơ sở để xác định: Ngày 09/3/2020 chị Trần Thị T có vay của chị Nguyễn Thị D số tiền 939.000.000đ (Chín trăm ba mươi chín triệu đồng).

Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa chị Nguyễn Thị D và chị Trần Thị T là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật; chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị D khởi kiện đòi lại số tiền cho vay là có căn cứ.

Về lãi suất: Bị đơn chị Trần Thị T cho rằng đã trả lãi rất nhiều cho chị D với mức lãi suất 6%/tháng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn, chị D cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không hợp tác. Do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn, có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 BLDS năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận có thỏa thuận miệng về lãi suất tuy nhiên không thống nhất được mức lãi suất nên áp dụng quy định về lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, xác định mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng.

[4] Do vậy, đủ cơ sở kết luận để buộc chị Trần Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền vay gốc là 939.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 09/3/2020 và tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/3/2020 đến ngày xét xử 18/6/2021 bằng 15 tháng 10 ngày $\times 0,83\% \times 939.000.000\text{đ} = 119.506.000\text{đ}$. Trừ 17.000.000đ chị T đã trả được; tổng cộng số tiền gốc và lãi suất còn lại phải trả là 1.041.506.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi một triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng).

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải trả 1.041.506.000đ là 43.245.000đ; Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D 23.932.500đ tiền tạm ứng án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 463, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

Buộc chị Trần Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền 1.041.506.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi một triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng), (bao gồm tiền vay gốc là 939.000.000đ và tiền lãi suất là 102.506.000đ) theo giấy vay tiền ngày 09/3/2020.

3.Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 43.245.000đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí 23.932.500đ đã nộp theo Biên lai số 0004490 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ an
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà